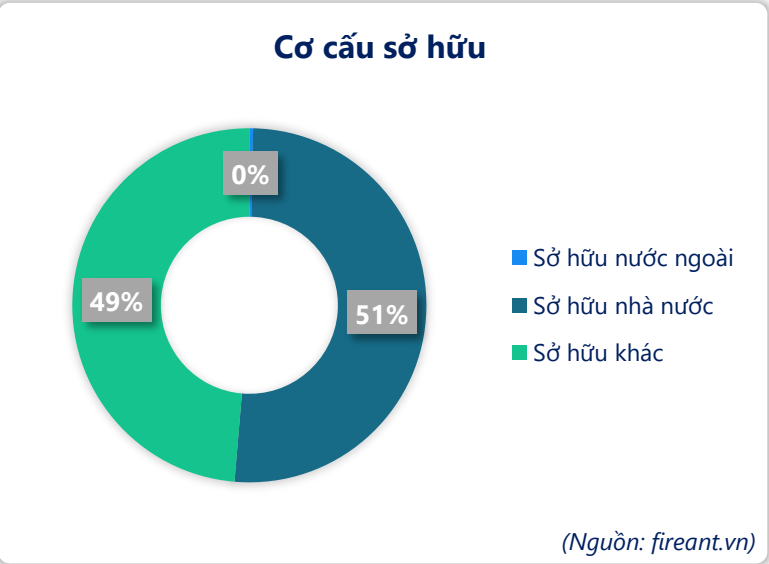
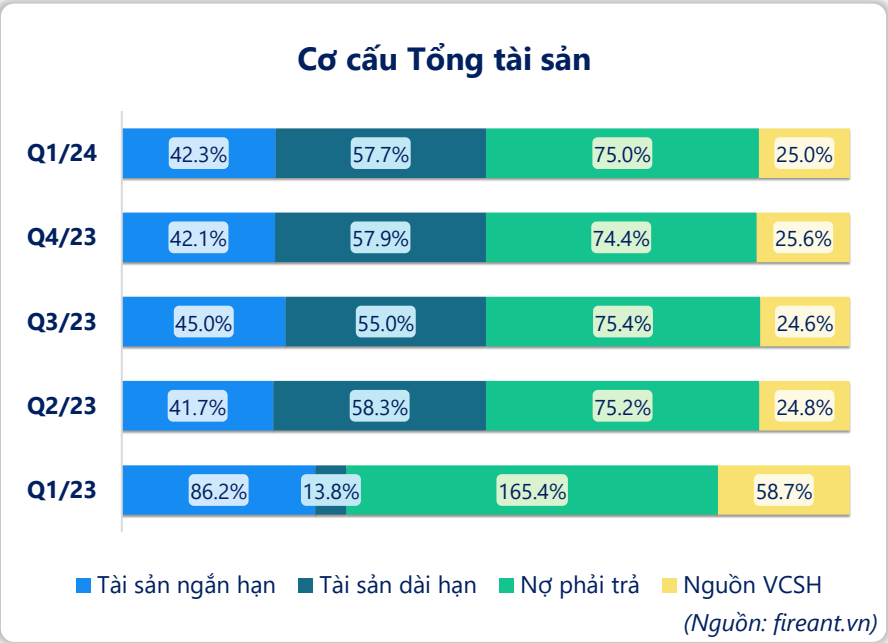
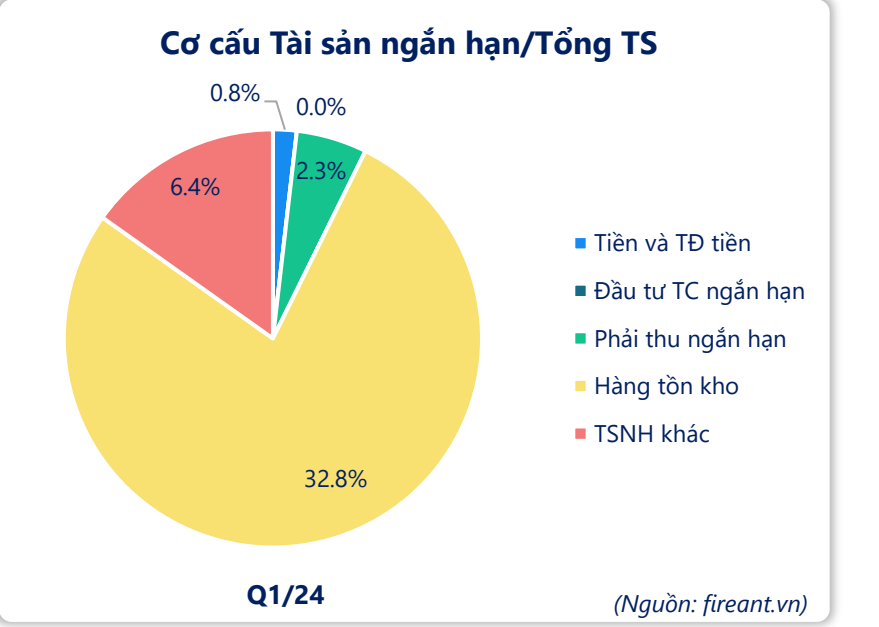
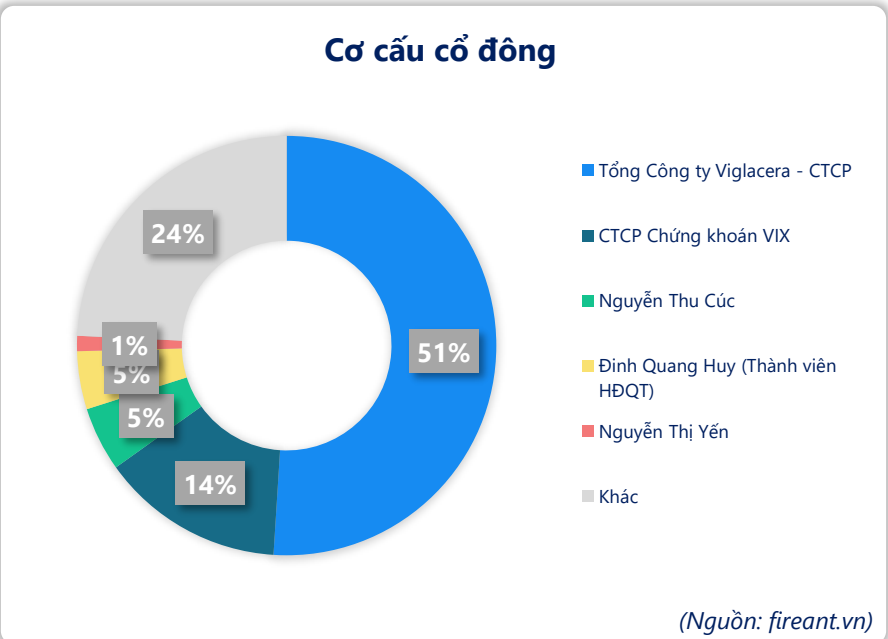
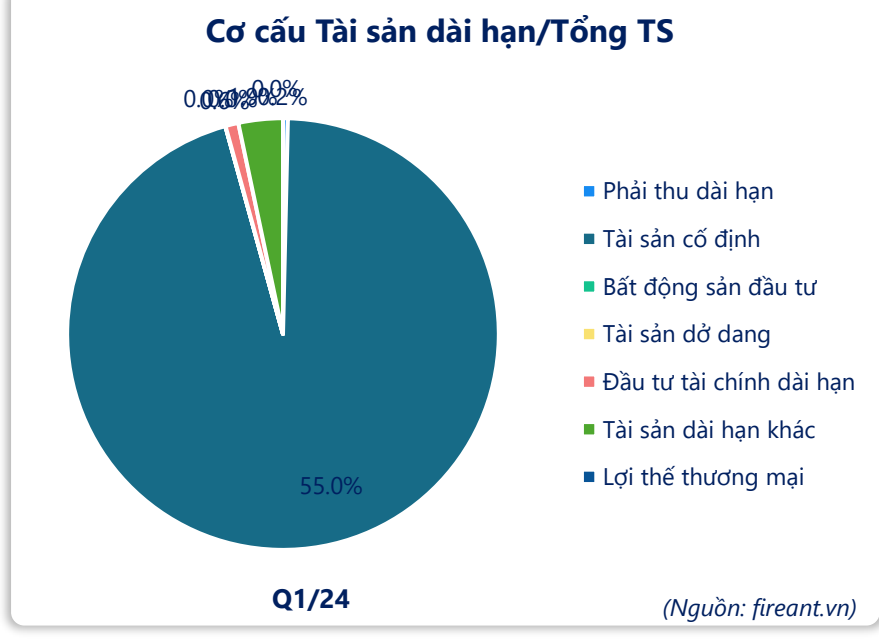
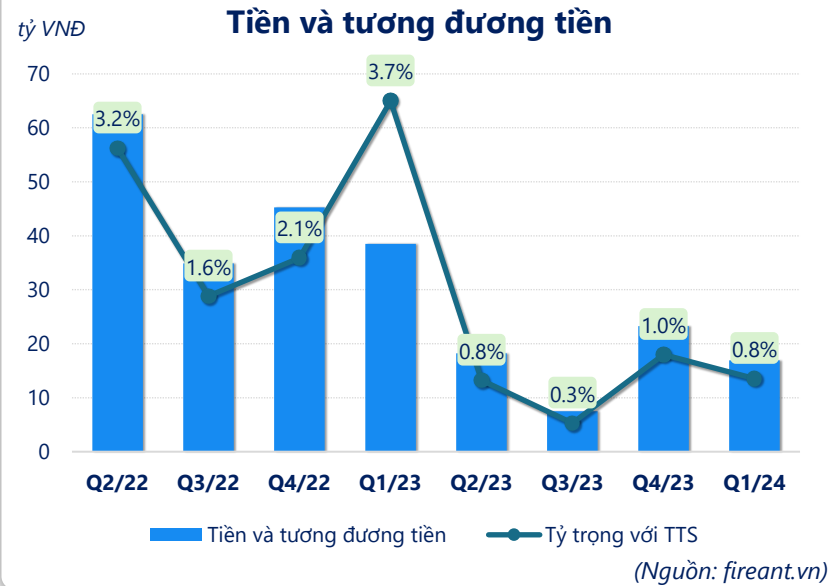
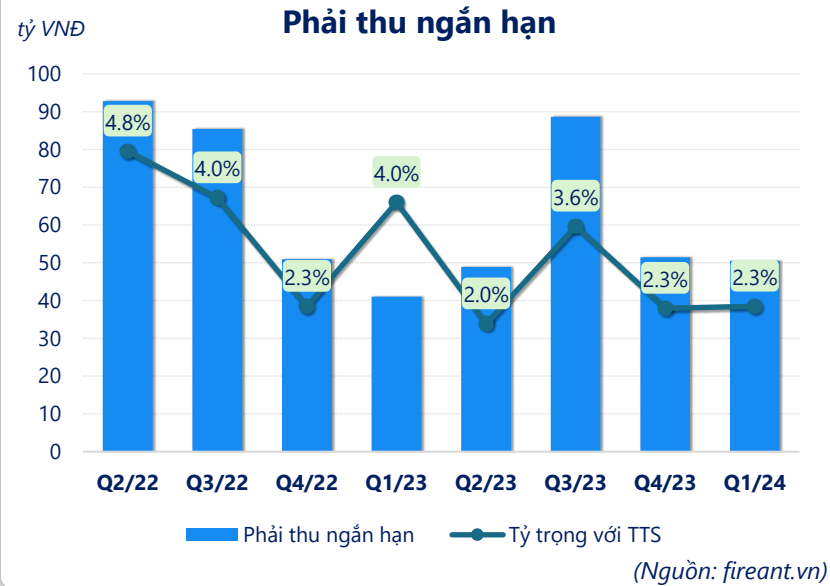
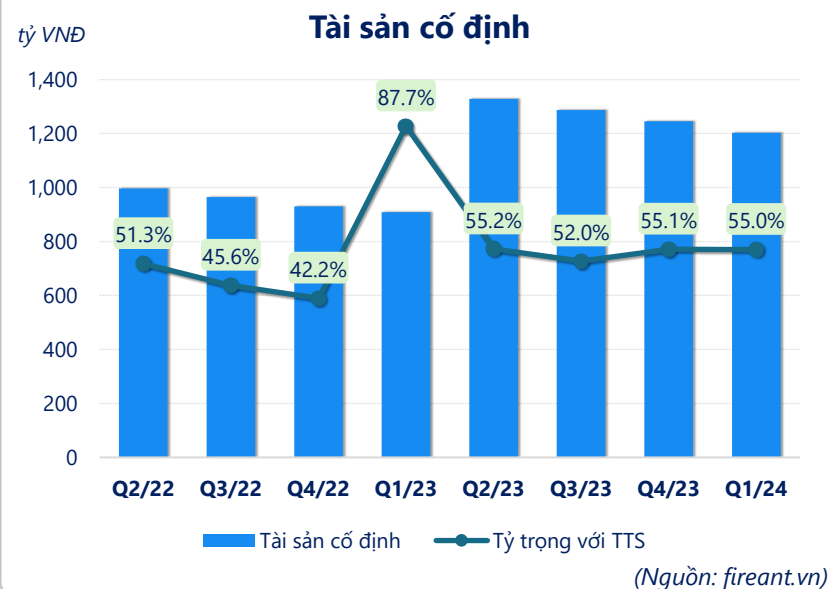
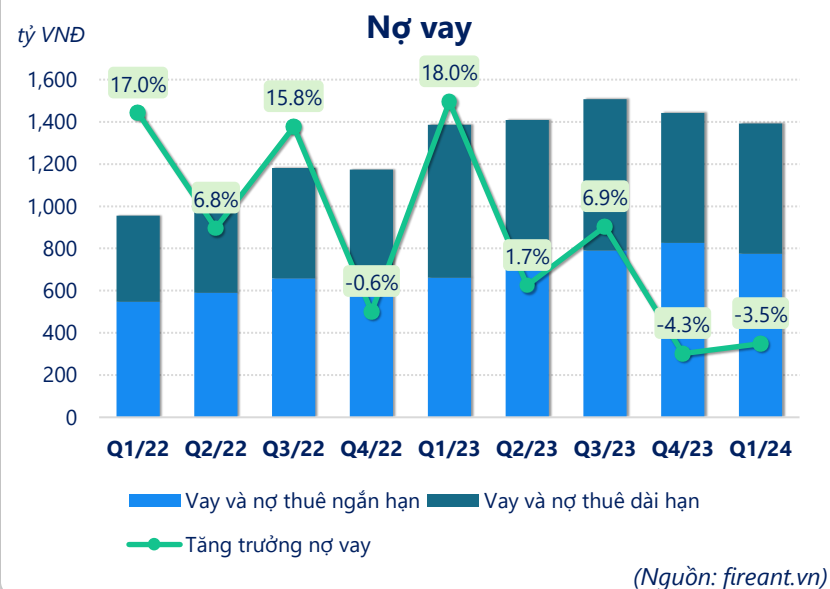
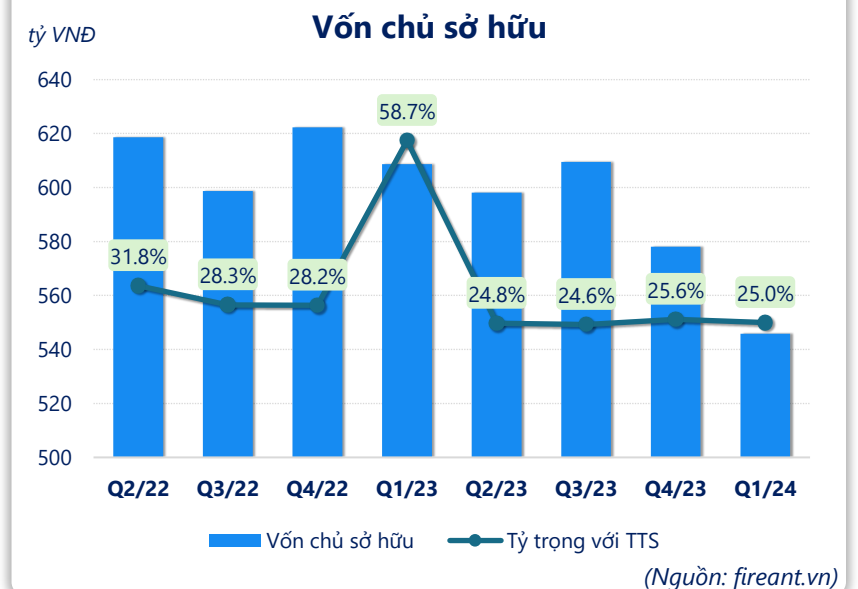
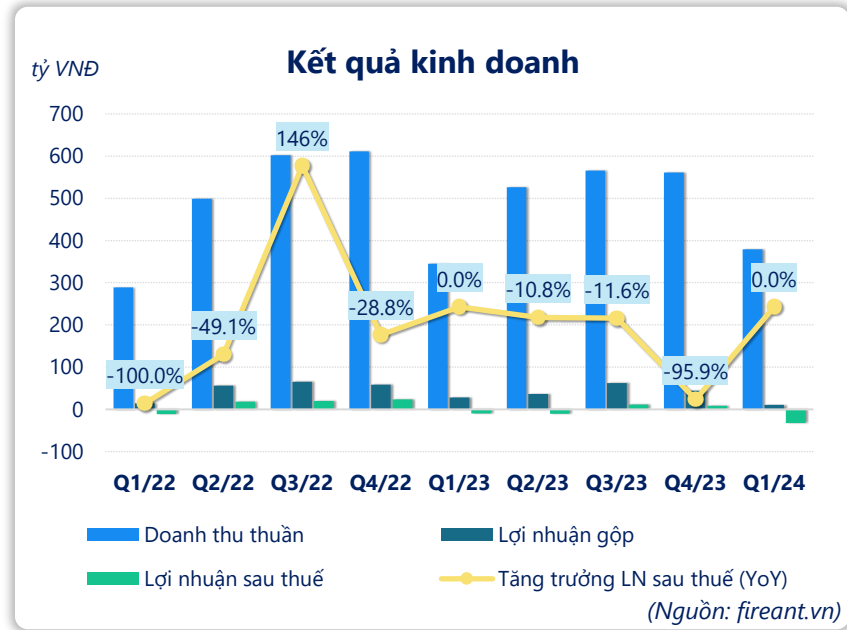
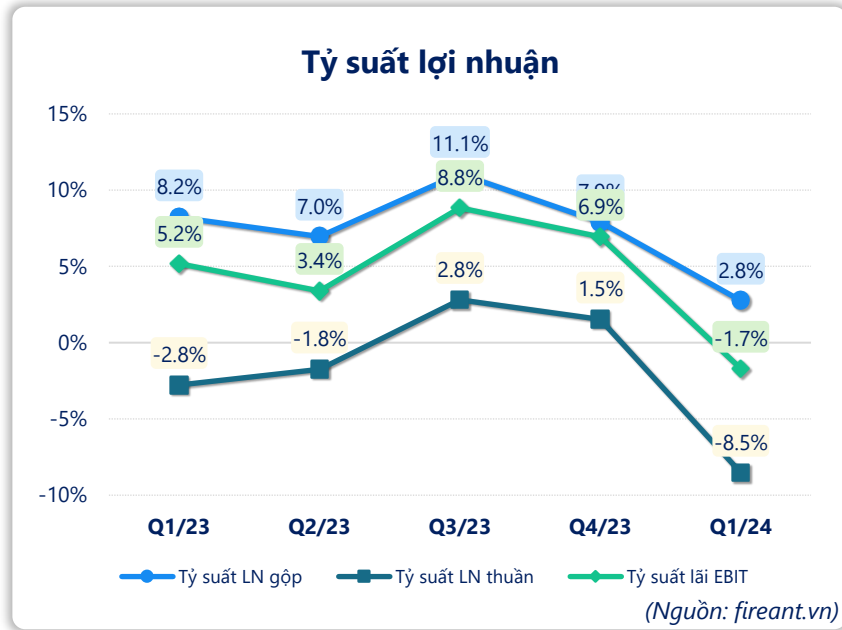
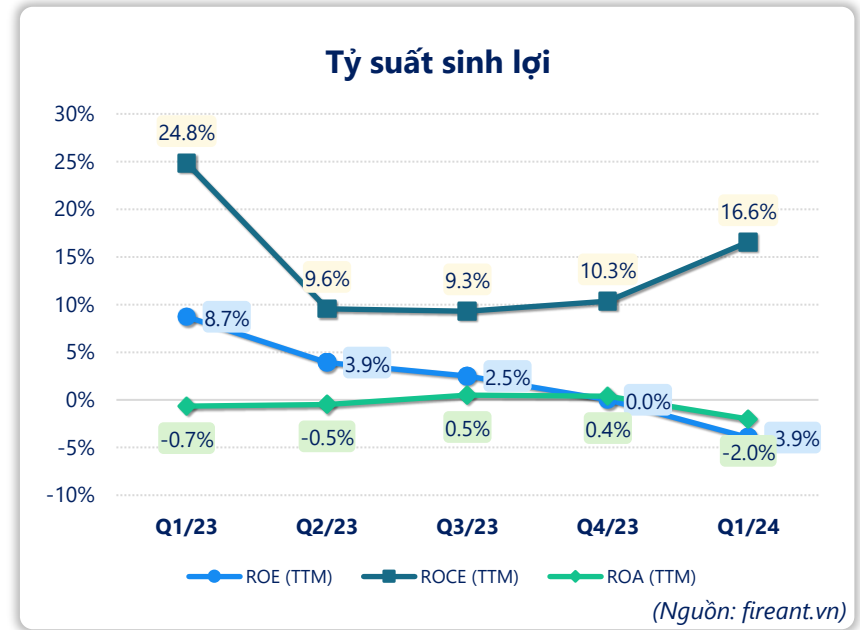
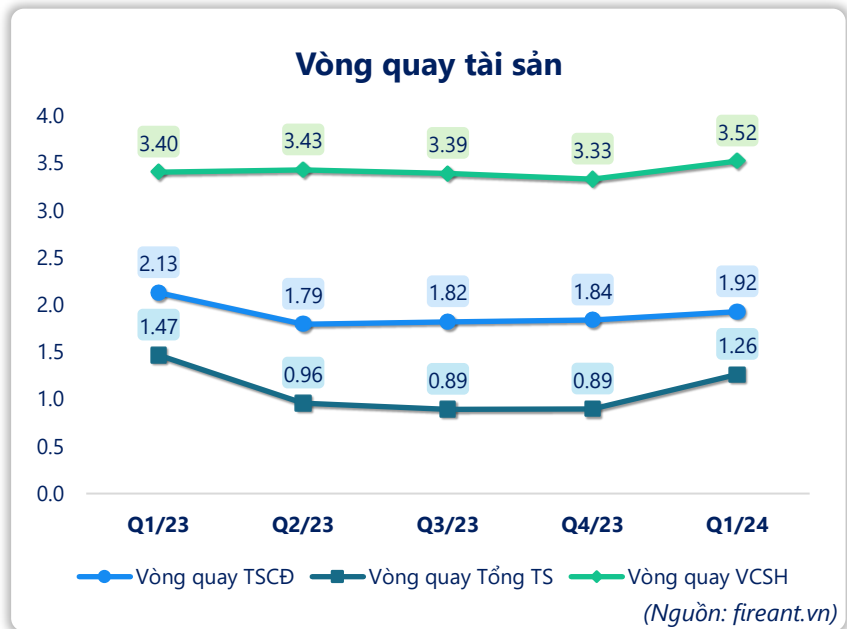
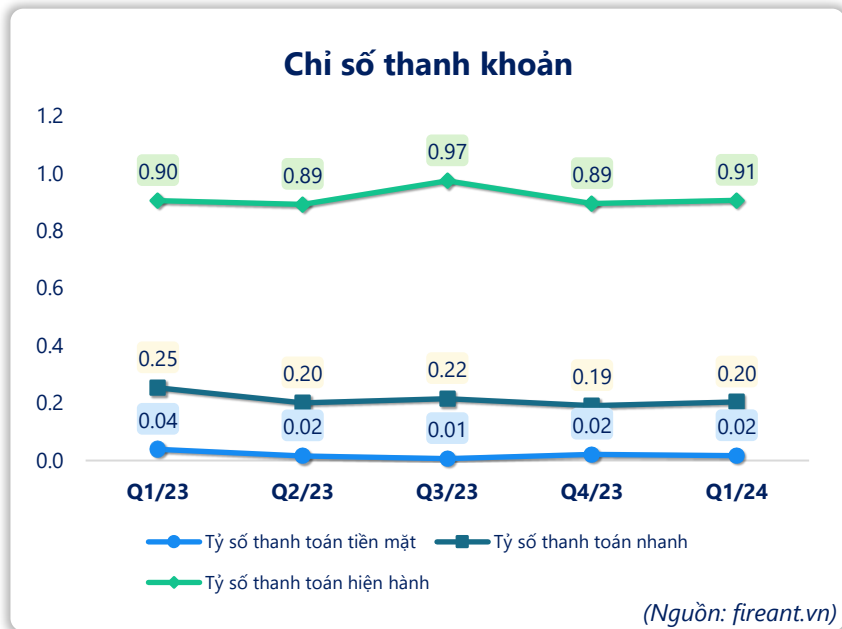
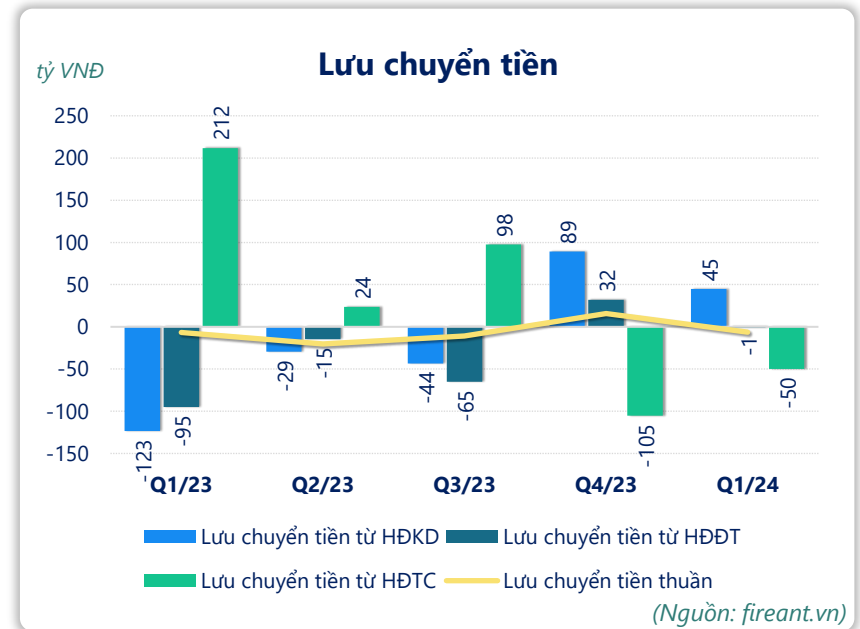


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		19,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,400
SL cổ phiếu LH		49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,165
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		985
P/E		-43.2
EPS		-456

	YTD	1T	3T	6T
VIT	4.2%	34.9%	6.5%	7.5%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,185	2,260	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	924	951	-2.9%
Tiền và tương đương tiền	16.9	23.2	-27.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	50.5	51.4	-1.8%
Hàng tồn kho	716	748	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	140	129	9.1%
Tài sản dài hạn	1,262	1,308	-3.6%
Phải thu dài hạn	4.60	4.60	0.0%
Tài sản cố định	1,203	1,245	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.22	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	41.9	46.0	-9.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,639	1,681	-2.5%
Nợ ngắn hạn	1,020	1,064	-4.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	774	826	-6.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	209	195	6.8%
Nợ dài hạn	619	617	0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	618	615	0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	546	578	-5.6%
Vốn chủ sở hữu	546	578	-5.6%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	345	526	566	561	379
Giá vốn hàng bán	317	489	503	517	369
Lợi nhuận gộp	28.4	36.6	62.7	44.4	10.5
Doanh thu HĐTC	0.47	0.25	0.02	4.95	0.00
Chi phí TC	27.7	27.5	35.2	31.0	29.1
Chi phí lãi vay	27.3	26.8	34.1	30.3	25.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.59	12.7	3.26	3.84	6.75
Chi phí QLDN	6.06	5.83	8.32	5.98	6.94
LN thuần từ HĐKD	-9.55	-9.20	15.9	8.56	-32.3
Lợi nhuận khác	0.14	0.31	0.00	0.13	0
LN trước thuế	-9.40	-8.89	15.9	8.69	-32.3
Lợi nhuận sau thuế	-9.40	-10.5	11.4	8.58	-32.3
LNST của CĐ cty mẹ	-9.40	-10.5	11.4	8.58	-32.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-123	-29.3	-43.5	89.2	44.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-95.2	-14.6	-64.9	31.9	-1.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	212	23.6	97.7	-105	-49.8
Tiền đầu kỳ	45.3	38.5	18.2	7.49	23.2
Lưu chuyển tiền thuần	-6.79	-20.3	-10.7	15.8	-6.31
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.01	0.00	0
Tiền cuối kỳ	38.5	18.2	7.49	23.2	16.9

(Nguồn: fireant.vn)